

Biểu mẫu 10

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND HUYỆN CẦN GIỜ**TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LONG HÒA****THÔNG BÁO**

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, Học kỳ I năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	587	145	155	148	139
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)		129 89.0	128 82.6	117 79.1	108 77.7
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)		15 10.3	26 16.8	26 17.6	26 18.7
3	Trung bình, Đạt (tỷ lệ so với tổng số)		1 0.7	1 0.65	5 3.34	5
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	3.6
II	Số học sinh chia theo học lực	587	145	155	148	139
1	Giỏi, Tốt (tỷ lệ so với tổng số)		22 15.1	22 14.2	23 15.5	38 27.3
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)		62 42.8	60 38.7	64 43.2	54 38.9
3	Trung bình, Đạt (tỷ lệ so với tổng số)		54 36.6	56 36.1	46 31.1	37 26.6
4	Yếu – Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)		8 5.5	17 11	15 10.1	10 7.2
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Công tác duy trì sĩ số					
1	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
2	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00	00
3	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	2	0	1	1	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	46	4	5	7	30
2	Cấp tỉnh/thành phố	3	3	0	0	0
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số					

Cần Giờ, ngày 20 tháng 05 năm 2024



Huỳnh Thị Kim Loan

Biểu mẫu 10

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND HUYỆN CẦN GIỜ**TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LONG HÒA****THÔNG BÁO**

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, Học kỳ II năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	587	145	155	148	139
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	484 82.4	129 89.0	128 82.6	117 79.1	110 19.1
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	96 16.3	15 10.3	26 16.8	26 17.6	29 20.9
3	Trung bình, Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	7 1.2	1 0.7	1 0.65	5 3.34	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	587	145	155	148	139
1	Giỏi, Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	119 20.3	22 15.1	22 14.2	23 15.5	45 32.4
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	252 42.9	62 42.8	60 38.7	64 43.2	53 38.1
3	Trung bình, Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	195 33.2	54 36.6	56 36.1	46 31.1	39 28.1
4	Yếu – Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	42 47.2	8 5.5	17 11	15 10.1	2 1.4
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Công tác duy trì sĩ số					
1	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
2	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00	00
3	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	2	0	1	1	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	46	4	5	7	30
2	Cấp tỉnh/thành phố	3	3	0	0	0
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số					

Cần Giờ, ngày 20 tháng 05 năm 2024



HIỆU TRƯỞNG

Huỳnh Thị Kim Loan

Biểu mẫu 10
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ
Giáo dục và Đào tạo)

UBND HUYỆN CẦN GIỜ
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LONG HÒA

THÔNG BÁO
**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường
trung học phổ thông, năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	587	145	155	148	139
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	483 82.3	129 89.0	128 82.6	116 78.4	110 79.1
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	98 16.7	16 11.0	26 16.8	27 18.2	29 20.9
3	Trung bình, Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	6 1.0	00	1 0.65	5 3.4	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	587	145	155	148	139
1	Giỏi, Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	119 20.3	27 18.6	22 14.2	28 18.9	42 30.2
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	252 42.9	67 46.2	64 41.3	64 43.2	57 41.0
3	Trung bình, Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	190 32.4	46 31.7	59 38.1	45 30.4	40 28.18
4	Yếu – Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	26 4.4	5 3.5	10 6.4	11 17.4	00
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Công tác duy trì sĩ số					
1	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
2	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00	00
3	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	2	0	1	1	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	46	4	5	7	30
2	Cấp tỉnh/thành phố	3	3	0	0	0
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số					

Cần Giờ, ngày 20 tháng 05 năm 2024



HIỆU TRƯỞNG

Huỳnh Thị Kim Loan